

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v trích quỹ và phân bổ số tiền cấp học bổng theo khóa học, hệ đào tạo, ngành học cho sinh viên trình độ đại học chính quy Học kỳ I năm học 2025-2026.**

Căn cứ Quyết định số 2321/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-HVHK ngày 08/08/2022 của Hội đồng Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1871/QĐ-HVHK ngày 06/12/2024 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập tại Học viện hàng không Việt Nam;

Căn cứ Tờ trình ngày 26/11/2024 của Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên về việc trích quỹ và phân bổ chi tiêu cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên trình độ đại học chính quy học kỳ I năm học 2025-2026 đã được Giám đốc phê duyệt;

Xét đề nghị của trưởng phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Trích 8% tổng số tiền thu học phí học kỳ I, năm học 2025-2026, tương đương với số tiền **12.418.265.000đ** (Mười hai tỷ bốn trăm mười tám triệu hai trăm sáu mươi năm ngàn đồng) làm quỹ học bổng khuyến khích học tập. Tổng tiền cấp học bổng theo khóa học, hệ đào tạo, ngành học được phân bổ chi tiết theo phụ lục 1 đính kèm.

**Điều 2.** Giá trị các loại học bổng theo phụ lục 2 đính kèm.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Lãnh đạo các Khoa và các đơn vị thuộc Học viện có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

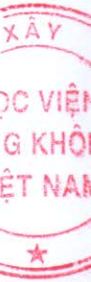
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, CTSV.



TS. Nguyễn Thị Hải Hằng

**PHỤ LỤC 1**  
**PHÂN BỐ TIỀN CẤP HỌC BỔNG HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026**  
(Đính kèm Quyết định số: 280/QĐ-HVHK ngày 8 tháng 11 năm 2025)

TT	Ngành	Tổng tiền cấp HB - khóa 2022	Tổng tiền cấp HB - khóa 2023	Tổng tiền cấp HB - khóa 2024	Tổng tiền cấp HB - khóa 2025
1	Quản trị DV DL&LH	10.937.000	174.025.000	424.226.000	921.671.000
2	CNKT Điện tử viễn thông	45.243.000	34.638.000	83.316.000	239.606.000
3	Kinh doanh quốc tế	-	-	86.881.000	136.530.000
4	Kỹ thuật Hàng không	60.761.000	165.046.000	201.221.000	417.807.000
5	Kinh tế vận tải	26.136.000	331.317.000	350.831.000	473.774.000
6	Ngôn ngữ anh	31.815.000	338.964.000	528.108.000	967.324.000
7	Quản trị nhân lực	9.079.000	212.799.000	309.318.000	398.813.000
8	Quản lý hoạt động bay	120.777.000	134.632.000	123.287.000	355.196.000
9	Quản trị kinh doanh	51.630.000	617.513.000	542.023.000	999.008.000
10	CNKT điều khiển và tự động hóa	44.427.000	68.576.000	112.826.000	210.978.000
11	Công nghệ thông tin	32.715.000	295.211.000	274.070.000	981.340.000
12	CNKT Công trình xây dựng	18.572.000	14.112.000	101.488.000	251.827.000
13	Marketing	-	-	-	87.871.000
	<b>Cộng</b>	<b>452.092.000</b>	<b>2.386.833.000</b>	<b>3.137.595.000</b>	<b>6.441.745.000</b>



## PHỤ LỤC 2

### GIÁ TRỊ HỌC BỔNG HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026

(Đính kèm Quyết định số: 2801/QĐ-HVHK ngày 18 tháng 11 năm 2025)

#### 1. Chương trình học bằng tiếng Việt:

Khóa học	Chương trình	Học bổng loại khá	Học bổng loại giỏi	Học bổng loại xuất sắc
2022	Chuẩn	14.500.000	15.950.000	17.400.000
2023	Chuẩn	14.500.000	15.950.000	17.400.000
2024	Chuẩn	15.500.000	17.050.000	18.600.000
2025	Chuẩn	15.500.000	17.050.000	18.600.000
	Đặc thù	18.500.000	20.350.000	22.200.000

#### 2. Chương trình học bằng tiếng Anh:

Khóa học	Ngành học	Học bổng loại khá	Học bổng loại giỏi	Học bổng loại xuất sắc
2024	Quản trị kinh doanh	19.530.000	21.483.000	23.436.000
	Kinh tế vận tải	20.150.000	22.165.000	24.180.000
	Quản lý hoạt động bay	18.290.000	20.119.000	21.948.000
	Kỹ thuật hàng không	20.150.000	22.165.000	24.180.000
2025	Quản trị kinh doanh	15.500.000	17.050.000	18.600.000
	Kinh tế vận tải	17.360.000	19.096.000	20.832.000
	Quản lý hoạt động bay	18.500.000	20.350.000	22.200.000
	Kỹ thuật hàng không	18.500.000	20.350.000	22.200.000

